

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2025/HS-PT
Ngày: 11-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Các Thẩm phán: Ông Văn Thanh Gia

Ông Nguyễn Văn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 135/2025/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Trần Hoài P do có kháng cáo của bị cáo Trần Hoài P đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2025/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 135/2025/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Trần Hoài P do có kháng cáo của bị cáo Trần Hoài P đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2025/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Hoài P, sinh ngày 29/3/1989 tại tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là: Tổ dân phố C, xã C, tỉnh Gia Lai); Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là: Tổ dân phố A, xã Đ, tỉnh Gia Lai); Nghề nghiệp: Nhân viên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Hoài N, sinh năm 1965 và bà Lê Thị L, sinh năm 1969; Vợ: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1989, con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 23/11/2023 đến ngày 01/10/2024 bị bắt tạm giam cho đến nay (Có mặt).

Ngoài ra, còn có 03 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hoài P là nhân viên hợp đồng của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình công tác P đã thống nhất với Đỗ Minh H là cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G sẽ nhận tiền hối lộ của người dân để làm nhanh thủ tục hành chính về đất đai. P và H cùng ăn chia số tiền nhận được, P sẽ trực tiếp nhận hối lộ và chuyển khoản cho H nếu hồ sơ được chuyển đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G để H thực hiện nhanh các thủ tục, nếu hồ sơ do Chi nhánh thực hiện thì P sẽ nhận hối lộ và giữ lại tiêu xài. Trong thời gian từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023, P đã nhận hối lộ của Cao L2 02 (hai) lần, nhận hối lộ của Cao Thị T 01 (một) lần và nhận hối lộ của Hoàng Quốc T1 01 (một) lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào đầu năm 2022, do biết Cao L2 là cán bộ địa chính xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên ông Phạm Xuân H1, sinh năm 1978, trú tại thôn Đ, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nhờ L2 làm các thủ tục đất đai liên quan đến hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh vợ là ông Nguyễn Văn C nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn D, sinh năm 1984, trú tại: thôn Đ, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đối với thửa đất số 179, tờ bản đồ số 79, địa chỉ thửa đất tại xã I, thì L2 đồng ý. L2 thông báo chi phí để làm thủ tục là hết 8.000.000đ (tám triệu đồng) nên vào ngày 25/02/2022 ông Phạm Xuân H1 đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của Cao L2 số tiền 8.200.000đ (tám triệu hai trăm nghìn đồng) (đối với 200.000 đồng này ông H1 bồi dưỡng uống nước và xe đi lại cho L2). Sau khi nhận được tiền của ông H1 thì L2 đã liên hệ với Trần Hoài P nhờ P tiến hành thủ tục đo đạc, tách thửa đối với thửa đất trên, thì P đồng ý. Hai bên thống nhất số tiền mà L2 sẽ chuyển cho P là 8.000.000 đồng. Sau đó, L2 đã đưa tiền mặt cho P trước số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng). Đến ngày 08/3/2022, P thực hiện các thủ tục theo yêu cầu của L2. Đến ngày 21/3/2024, Cao L2 đã chuyển cho P số tiền 5.000.000 đồng còn lại bằng hình thức chuyển khoản có nội dung là “*lam nhanh*”. Sau khi trừ đi các khoản phí là 2.480.000 đồng, số tiền Cao L2 đưa hối lộ và P nhận hối lộ là 5.520.000đ (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Lần thứ hai: Vào giữa năm 2022, C thỏa thuận nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960, trú tại thôn Q, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai một phần thửa đất số 61, tờ bản đồ số 115, diện tích 1.135,5m² tại xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và L2 có nghĩa vụ làm các thủ tục để sang tên. L2 đã liên hệ với Trần Hoài P để nhờ P làm nhanh các thủ tục tách thửa và chuyển nhượng, P đồng ý. Do là cán bộ địa chính nên L2 biết được số tiền thuế, phí phải đóng cho việc tách thửa và chuyển nhượng thửa đất trên là khoảng hơn 8.000.000 đồng, nên ngày 05/5/2022, L2 đã chuyển cho P số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng),

bằng hình thức chuyển khoản. Sau khi nhận tiền của L2, P đã chủ động làm các thủ tục cho L2. Trong thời gian này có chị Lê Thị P1, sinh năm 1983, trú tại phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai mua lô đất này nên L2 đã thỏa thuận các thủ tục được sang nhượng trực tiếp từ bà T2 qua chị P1. Sau khi làm xong các thủ tục tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, P đã liên hệ với Đỗ Minh H để làm nhanh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho chị P1. Như thường lệ, P đã chuyển cho Đỗ Minh H số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày 22/8/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị P1. Sau khi trừ đi các phí và thuế theo quy định của pháp luật là 8.758.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng) thì Trần Hoài P đã nhận hồi lộ của Cao L2 số tiền là 6.242.000đ (sáu triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng), P chuyển cho H số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), P hưởng lợi số tiền 3.242.000đ (ba triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Lần thứ ba: Vào khoảng đầu tháng 11/2022, Cao Thị T có nhu cầu tách thửa và chuyển mục đích sử dụng (chuyển đổi đất ở) đối với thửa đất số 309, tờ bản đồ 148, địa chỉ thửa đất: xã I, huyện Đ, diện tích: 2913,6m². Do biết Trần Hoài P được phân công phụ trách địa bàn xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên T đã đến gặp và nhờ P, P đã đồng ý giúp T thực hiện các thủ tục để chuyển đổi mục đích đối với thửa đất trên. Đồng thời, P cũng cho T số tài khoản ngân hàng của P là 109871143593. Đến ngày 08/11/2022, Cao Thị T chuyển số tiền 12.000.000 đồng từ số tài khoản cá nhân: 103812176789 ngân hàng V đến số tài khoản cá nhân của Trần Hoài P, với nội dung: “*Chuyen tien lam nhan bia 47 met*” để đưa hồi lộ cho P. Sau khi đưa hồi lộ cho P xong, đến ngày 09/11/2022 T có đơn chuyển mục đích sử dụng đất và đơn đề nghị tách thửa nộp vào bộ phận một cửa của UBND huyện Đ. Sau khi nhận được tiền đưa hồi lộ của T và tiếp nhận được hồ sơ của T, ngày 28/11/2022, Trần Hoài P là người làm thủ tục trích lục bản đồ địa chính đối với thửa đất. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cho phép Cao Thị T được chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất trên theo như nguyện vọng của Cao Thị T. Đến ngày 06/3/2023, T có đơn đề nghị tách thửa đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ 148, diện tích 972,9m² đất ở tại nông thôn để tách thành 04 thửa. Ngày 23/3/2022, P là người đo đạc, trích lục, xác định vị trí thửa đất và làm thủ tục tách thửa đất 314 thành 04 thửa số: 320; 321; 322; 323. Sau đó, T đã được cấp giấy chứng nhận đối với 04 thửa đất được tách. Như vậy, số tiền mà Trần Hoài P nhận hồi lộ của Cao Thị T là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) (mọi chi phí theo quy định của pháp luật do T nộp).

Lần thứ tư: Hoàng Quốc T1 là cán bộ địa chính xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Do có nhu cầu tách thửa đất số 192, tờ bản đồ số 100, địa chỉ thửa đất: Làng Bua, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, diện tích 1.920m² để chuyển nhượng cho 04 người gồm: ông Siu N1 và bà Rơ Lan H2, cùng trú tại: Làng B, xã I, huyện Đ; bà Nguyễn Thị D1, trú tại: thôn C, xã I, huyện Đ; ông Trần Xuân T3, trú tại: thôn C, xã I, huyện Đ và ông Trần Văn N2, trú tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. T1 đã liên hệ với Trần Hoài P nhờ làm các thủ tục tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ và nhờ P liên hệ cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh

G để làm hồ sơ, thì được P đồng ý. Do T1 là cán bộ địa chính nên biết được việc muốn giải quyết nhanh hồ sơ thì phải đưa tiền. Đến ngày 17/01/2023, hồ sơ của T1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ chuyển đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G. Đến 10 giờ 17 phút cùng ngày, T1 đã chuyển cho P 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản để nhờ P trích đưa cho nhân viên Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G mà P quen biết để họ giúp T1 được giải quyết nhanh cấp 04 (bốn) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Sau khi P nhận được tiền, P đã chủ động điện thoại cho Đỗ Minh H là nhân viên Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G. P nhờ H giúp kiểm tra hồ sơ cấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của T1, đề xuất trình lãnh đạo ký sớm để trả kết quả. Trong ngày 18/01/2023, H đã ưu tiên tiến hành kiểm tra hồ sơ do P nhờ và trình Lãnh đạo ký duyệt cấp giấy chứng nhận. Hoàn thành hồ sơ xong, chiều ngày 18/01/2023, H gọi điện thoại cho P báo là đã làm xong thủ tục để P biết mà chuyển tiền cho H như những lần trước. P sẽ phải chuyển cho H mỗi Giấy chứng nhận được cấp là 3.000.000 đồng, 04 giấy chứng nhận là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Tuy nhiên, trước đó P có cho H mượn 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nên cả hai cân trừ và H còn phải chuyển lại để trả nợ cho P số tiền 8.000.000 đồng. Đến ngày 18/01/2023, H chuyển số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) cho P bằng hình thức chuyển khoản và cũng đồng nghĩa xác nhận đã đồng ý nhận số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) của P bằng hình thức cân nợ. Như vậy, số tiền mà Trần Hoài P nhận hồi lộ của Hoàng Quốc T1 là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), P chuyển cho H 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), P được hưởng lợi 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Tóm lại, Trần Hoài P đã 04 (bốn) lần nhận hồi lộ với tổng số tiền là 39.762.000đ (ba mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng). P đã chuyển khoản cho Đỗ Minh H số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và hưởng lợi là 24.762.000đ (hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Đến ngày 02/6/2023, quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ triệu tập làm việc đối với Hoàng Quốc T1 về hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản thì T1 đã khai nhận ra hành vi phạm tội của các bị cáo nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Hoài P phạm tội: “Nhận hồi lộ”. Tuyên bố các bị cáo Cao L2, Hoàng Quốc T1, Cao Thị T phạm tội: “Đưa hồi lộ”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 354; các Điều 38, 50, 58; điểm r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Trần Hoài P 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 01/10/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Cao L2 02 (hai) năm tù, bị cáo Hoàng Quốc T1 07 (bảy) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2024/HS-ST, ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân

dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là: 07 (bảy) năm 07 (bảy) tháng tù, bị cáo Cao Thị T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án, hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Trần Hoài P, C, Hoàng Quốc T1 đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù, quyết định về tiền thu lợi bất chính, vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 29/8/2025 bị cáo Trần Hoài P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hoài P. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai. Xử phạt bị cáo Trần Hoài P 07 năm tù (G 01 năm tù).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Hoài P khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định vụ án như sau: Trần Hoài P là nhân viên hợp đồng của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong năm 2022 và 2023, P được phân công thực hiện nhiệm vụ tiến hành các thủ tục hành chính về đất đai tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ P đã cấu kết với Đỗ Minh H là cán bộ của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G nhận tiền hối lộ của người dân để làm các thủ tục hành chính về đất đai và chia nhau. Trong thời gian từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023, P và H đã nhận hối lộ của Hoàng Quốc T1 số tiền 16.000.000 đồng và Cao L2 số tiền 6.242.000 đồng để giải quyết nhanh hồ sơ đất đai tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Riêng P nhận thêm của Cao L2 số tiền 5.520.000 đồng để giải quyết thủ tục tách thửa cho L2 và nhận của Cao Thị T số tiền 12.000.000 đồng để làm nhanh thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất. Tổng số tiền mà P đã nhận hối lộ là 39.762.000đ (ba mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng). P đã chia phần cho Đỗ Minh H số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và số tiền P hưởng lợi là 24.762.000 (hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Cao Lộc 02 lần đưa hối lộ cho Trần Hoài P với số tiền là 11.762.000đ (mười một triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Hoàng Quốc T1 01 lần đưa hối lộ cho Trần Hoài P với số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng). Cao Thị T 01 lần đưa hối lộ cho Trần Hoài P với số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

Do đó, Toà án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai đã kết án bị cáo Trần Hoài P về tội “Nhận hối lộ” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Cao L2 về tội “Đưa hối lộ” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Hoàng Quốc T1, Cao Thị T về tội “Đưa hối lộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Hoài P, hội đồng xét xử nhận thấy: Trần Hoài P nhiều lần nhận tiền của Hoàng Quốc T1, C, Cao Thị T để làm nhanh các thủ tục pháp lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm nhanh thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất cho nhiều hộ dân thuộc địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tổng số tiền mà P đã nhận hối lộ là 39.762.000đ, do đó hành vi của Trần Hoài P phạm vào tội “Nhận hối lộ” với tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 07 đến 15 năm tù. Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến cơ quan Công an để tự thú, tự nguyện khai báo ra những lần phạm tội trước đó và các đối tượng phạm tội phục vụ công tác điều tra vụ án, đồng thời bị cáo P đã tự nguyện nộp lại số tiền mà bị cáo hưởng lợi bất chính nên được toà án cấp sơ thẩm áp dụng điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 08 năm tù là phù hợp. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới có ông ngoại Lê Khắc T4 tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Nhà nước tặng danh hiệu “Dũng sĩ”, ngoài ra bị cáo có nộp thêm Biên lai đã thu tiền án phí HSST 200.000 đồng. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên hội đồng xét xử khoan hồng chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Hoài P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hoài P. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hoài P.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 354; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hoài P 07 (Bảy) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 01/10/2024.

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Hoài P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam số 2 CA tỉnh Gia Lai;
- TA, VKS khu vực 8 – Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 8 – Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Xuân